

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/DS-ST
Ngày 13-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Liêm;

ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: số 130, đường P, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ngân hàng: anh Nguyễn Hữu Th, chức vụ: nhân viên; địa chỉ phòng giao dịch: thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022);

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Hội liên hiệp phụ nữ xã L; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi là

Ngân hàng) trình bày, chị Nguyễn Thị Mỹ D vay tiền của Ngân hàng với tổng hạn mức vay 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00669679/0134294601T17014 ngày 16/01/2017, theo đó, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất trên dư nợ ban đầu: 10%/năm (lãi suất quá hạn 15 %/năm); thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/01/2017); phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp liên tục 11 kỳ theo tháng, mỗi kỳ trả 1.840.000 đồng, kỳ cuối trả 1.760.000 đồng.

Tính đến ngày 08/11/2022, chị D đã trả được 18.600.000 đồng (gồm vốn: 14.713.848 đồng; lãi trong hạn: 1.846.152 đồng, sau đó trả thêm vốn 2.040.000 đồng). Chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 16/01/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/11/2022, chị D còn nợ vốn: 3.246.152 đồng; lãi trong hạn: 153.848 đồng; lãi quá hạn: 4.832.000 đồng; Tổng cộng: 8.232.000 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu chị D trả số tiền còn nợ 8.232.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/11/2022 đến ngày trả dứt nợ cho ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp.

Trong trường hợp, chị D không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì Anh Nguyễn Ngọc A phải trả nợ thay cho chị D cho đến khi hết nợ vay của chị D.

Tại phiên tòa, ý kiến của anh Th đại diện Ngân hàng: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu trả lãi quá hạn trên nợ gốc phát sinh theo hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 13/6/2023 và đến khi trả dứt nợ gốc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ngân hàng và đại diện của Ngân hàng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị D, anh Ngọc A và Hội liên hiệp phụ nữ xã L từ khi thụ lý và tại phiên tòa vắng mặt không có lý do theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngân hàng và chị D xác lập hợp đồng tín dụng có biện pháp bảo đảm bằng bảo lãnh phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân cho chị D số tiền 20.000.000 đồng. Do chị D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 335, 336, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu chị D trả vốn 8.953.341 đồng; lãi trong hạn 153.848 đồng; lãi quá hạn 5.553.341

đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 13/6/2023 đến khi trả dứt nợ gốc.

Trường hợp, chị D không thực hiện đúng và đầy đủ nghị vụ trả nợ thì anh Ngọc A phải trả nợ thay cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ngân hàng có đơn khởi kiện đối với chị D về yêu cầu trả tiền vay tín dụng. Chị D có địa chỉ cư trú ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D, anh Ngọc A, đại diện hợp pháp của Hội liên hiệp phụ nữ xã L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa anh có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng và chị D có xác lập hợp đồng vay tín dụng trả góp, việc thỏa thuận bằng văn bản được chứng minh bằng “giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2017”, “thỏa thuận liên kết ngày 22/10/2016 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L”. Trong đó, Hội liên hiệp phụ nữ xã L hỗ trợ Ngân hàng thu hộ tiền góp của chị D. Thực hiện đề nghị của chị D, Ngân hàng đã giải ngân cho chị D số tiền vay gốc 20.000.000 đồng theo “danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ” ngày 16/01/2017, lãi suất trong hạn: 10%/năm; lãi suất quá hạn: 1,5 lãi suất trong hạn; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 16/01/2017; phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp liên tục theo kỳ hàng tháng.

[3] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị D, anh Ngọc A và đại diện hợp pháp của Hội liên hiệp phụ nữ xã L vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, xem như chị D, anh Ngọc A và đại diện hợp pháp của Hội liên hiệp phụ nữ xã L đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình tại Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc dựa vào tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng đưa ra theo quy định khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Như vậy, Tòa án xác định giữa Ngân hàng và chị D đã xác lập hợp đồng tín dụng với thời hạn 12 tháng, số tiền vay 20.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho chị D số tiền vay theo thỏa thuận nhưng đến kỳ hạn thanh toán, chị D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lại tiền vay gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đối với Ngân hàng được chứng minh bằng tờ “giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm

khế ước nhận nợ ngày 05/01/2017” và “danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 16/01/2017”. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị D trả lại tiền vay, lãi là có căn cứ. Theo quy định Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu chị D trả lại số tiền còn nợ 8.953.341 đồng (gồm vốn 3.246.152 đồng; lãi trong hạn 153.848 đồng; lãi quá hạn 5.553.341 đồng, tính đến ngày 13/6/2023) và tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

[5] Về quan hệ bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay: Tại thời điểm chị D vay tiền của Ngân hàng, giữa anh Ngọc A và Ngân hàng có xác lập quan hệ bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ vay của chị D đối với Ngân hàng theo “Giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ 05/01/2017”. Việc xác lập nghĩa vụ bảo lãnh đã có hiệu lực pháp luật, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng và anh Ngọc A. Theo đó, anh Ngọc A đã xác định nội dung cam kết sau đây: *“trong trường hợp chị Nguyễn Thị Mỹ D không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng, anh Ngọc A sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng”*.

Như vậy, Ngân hàng yêu cầu anh Ngọc A thực hiện trả số tiền còn nợ thay cho chị D là có căn cứ. Theo quy định Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh Ngọc A có trách nhiệm thanh toán nợ vay thay cho chị D trong trường hợp chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nợ vay.

[6] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên chị D phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D về yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vay 8.953.341 đồng (gồm vốn 3.246.152 đồng; lãi trong hạn 153.848 đồng; lãi quá hạn 5.553.341 đồng đến ngày 13/6/2023).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, chị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kế ước nhận nợ 05/01/2017;

2. Ngân hàng có quyền yêu cầu Anh Nguyễn Ngọc A thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ vay thay cho chị D trong trường hợp chị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo quy định Điều 335, Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012983 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 447.667 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ngân hàng có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Chị D, anh Ngọc A và đại diện hợp pháp của Hội liên hiệp phụ nữ xã L vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân